

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST

Ngày: 29/10/2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Hải, ông Trần Khánh Uân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2021/TLST- KDTM ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST- KDTM ngày 27 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank); Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch Diễm- Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thành Trung, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Bắc Ninh. Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đỗ Văn Lam; Chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín chi nhánh Bắc Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Vũ Văn B, sinh năm 1973 và bà Dương Thị N, sinh năm 1975; Nơi đăng ký HKTT: Khu phố Vĩnh Thọ, phường Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (ông B và bà N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) trình bày: Vào ngày 03/5/2019 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Chi nhánh Bắc Ninh) với ông Vũ Văn B, bà Dương Thị N đã ký các hợp đồng tín dụng số LD1911400134 với số tiền cho vay là: 550.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh gỗ. Lãi suất trong 03

tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 11%/năm. Lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Thời hạn vay 12 tháng.

Khoản vay thứ hai cũng vào ngày 03/5/2019 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín với ông Vũ Văn B, bà Dương Thị N đã ký hợp đồng tín dụng số LD1911400135 với số tiền cho vay là: 150.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh gỗ- vay mở rộng tỷ lệ tài sản bảo đảm. Lãi suất trong 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 13%/năm. Lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Thời hạn vay 12 tháng.

Tại giấy nhận nợ số 01 ngày 04/5/2019 theo hợp đồng tín dụng số LD1911400134, ông B và bà N đã nhận số tiền 550.000.000 đồng. Lãi suất cho vay 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 11% năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh trong từng thời kỳ. Trả nợ gốc vào ngày 04/5/2020, trả nợ lãi ngày 05 hàng tháng.

Tại giấy nhận nợ số 01 ngày 04/5/2019 theo hợp đồng tín dụng số LD1911400135, ông B và bà N đã nhận số tiền 150.000.000 đồng. Lãi suất cho vay 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 13% năm. Lãi suất cho vay được điều chỉnh trong từng thời kỳ. Trả nợ gốc vào ngày 04/5/2020, trả nợ lãi ngày 05 hàng tháng.

Ngày 10/05/2016, ông Vũ Văn B có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Bắc Ninh – PGD Tiên Du (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) và các giấy tờ phát sinh kèm theo. Căn cứ chính sách phát hành thẻ tín dụng đối với khách hàng vay có tài sản đảm bảo, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng ban đầu là 20.000.000 đồng và tiếp tục gia hạn thẻ, nâng hạn mức tín dụng của thẻ lên thành 70.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, số thẻ 970403 - 1619, số tài khoản thẻ: 3417023920. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Vũ Văn B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 195.885.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông Vũ Văn B có ký Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02, diện tích là 96m² (nay là thửa đất số 103, tờ bản đồ số 35, diện tích là 98,7m²) địa chỉ thôn Vĩnh Thọ, xã Hương Mạc (nay là khu phố Vĩnh Thọ, phường Hương Mạc), thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU789304, vào sổ cấp GCN: CH01075, do UBND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 21/10/2014, cấp cho ông Vũ Văn Tường, tặng cho ông Vũ Văn B theo hồ sơ số 000129.TC.001 (số công chứng 926/2016 – quyền 1-TP/SCC-HĐGD lập tại Văn phòng công chứng Bắc Hà ngày 06/04/2016). Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LD/1812300057/HĐTCa ngày 07/5/2018; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/LD/1812300057/HĐTCa ngày 04/5/2019 của Văn phòng công chứng Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh.

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ ông Vũ Văn B, bà Dương Thị N đã trả cho

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền:

Khoản tín dụng thứ nhất theo Hợp đồng tín dụng số LD1911400134 ngày 03/05/2019: Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đến nay ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi: 40.775.343 đồng (Trong đó: số tiền gốc 0 đồng, số tiền lãi vay: 40.775.343 đồng).

Khoản tín dụng thứ hai theo Hợp đồng tín dụng số LD1911400135 ngày 03/05/2019: Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đến nay ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi: 13.142.467 đồng (Trong đó: số tiền gốc 0 đồng, số tiền lãi vay: 13.142.467 đồng).

Do ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng đã chuyển các khoản nợ trên sang nợ quá hạn từ ngày 06/02/2020.

* Đối với khoản vay thẻ tín dụng: Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông Vũ Văn B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 145.843.000 đồng, ngày 06/5/2020 chuyển sang nợ quá hạn;

Ngân hàng đã làm việc thông báo số dư nợ và yêu cầu ông B, bà N trả nợ nhưng ông B, bà N không thực hiện, vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Hiện tại ông B và bà N đã bỏ đi khỏi địa phương, cố tình giấu địa chỉ gây khó khăn cho Ngân hàng. Do vậy, ngày 21/12/2020, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét buộc ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N phải thanh toán trả cho Ngân hàng số nợ vay tín dụng tạm tính đến ngày 21/12/2020 tổng số tiền là 890.142.884 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm chín mươi triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm tám mươi tư đồng*) cụ thể:

Khoản tín dụng thứ nhất theo Hợp đồng tín dụng số LD1911400134 ngày 03/05/2019: nợ gốc là 550.000.000 đồng, nợ lãi là 78.827.918 đồng.

Khoản tín dụng thứ hai theo Hợp đồng tín dụng số LD1911400135 ngày 03/05/2019: Nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi là 25.407.349 đồng.

Khoản thẻ tín dụng số thẻ 970403 - 1619, số tài khoản thẻ 3417023920 của ông Vũ Văn B tính đến ngày 21/12/2020, tổng số tiền là 85.907.617 đồng. Ông B, bà N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng và các khoản tiền phí, tiền lãi và lãi quá hạn phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Trường hợp ông B, bà N không trả được nợ hoặc trả không hết nợ thì ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu nợ.

Bị đơn là ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N không có mặt ở địa phương. Tòa án đã xuống địa phương và gia đình xác minh thì phía địa phương cung cấp vợ chồng ông B, bà N có đăng ký hộ khẩu tại khu phố Vĩnh Thọ, phường Hương Mạc, thị xã Từ Sơn nhưng hiện tại vợ chồng ông B, bà N và các con đã bỏ đi khỏi địa phương. Phía gia đình ông B, bà N hiện có bố mẹ đẻ và gia đình anh em trai ông B đang sinh sống tại khu phố Vĩnh Thọ, phường Hương Mạc, thị xã Từ Sơn. Bố mẹ

để ông B là ông Vũ Văn Sự và bà Dương Thị Chuyên cho biết do làm ăn kinh tế gia đình khó khăn nên hai vợ chồng ông B, bà N và các con đã bỏ vào Gia Lai sinh sống làm ăn, vẫn liên lạc về gia đình qua phương tiện điện thoại và thỉnh thoảng về nhà khi gia đình có công việc lớn. Gia đình ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án nên có điện thoại cho ông B biết để về làm việc nhưng phía ông B không về, Tòa án đã đề nghị gia đình cung cấp địa chỉ của vợ chồng ông B, bà N đang sinh sống tại Gia Lai nên gia đình có gọi điện hỏi địa chỉ cụ thể nơi ông B, bà N đang sinh sống nhưng ông B không cho ai biết địa chỉ cụ thể. Tòa án đã làm các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú, UBND phường Hương Mạc và tại Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh theo quy định của pháp luật. Nhưng bị đơn ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày về nội dung vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án lấy lời khai của anh Vũ Văn Lý, chị Mẫn Thị Diễm (em trai, em dâu của anh B): Vợ chồng anh Lý, chị Diễm cho biết hiện nay gia đình anh chị đang quản lý và sinh sống nhờ tại nhà đất thửa số 103, tờ bản đồ số 35, diện tích 98,7m² tại khu phố Vĩnh Thọ, phường Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh của anh B, chị N được khoảng 01 năm. Quá trình quản lý, sinh sống tại nhà đất trên, vợ chồng anh chị không cải tạo, sửa chữa gì, không đóng góp công sức, tài sản gì nên anh Lý, chị Diễm không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng anh Lý, chị Diễm đề nghị Tòa án không đưa vợ chồng anh tham gia tố tụng trong vụ án này.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ tính đến hết ngày 29/10/2021, tổng số tiền là 1.017.624.338 đồng, trong đó nợ gốc: 769.576.253 đồng; nợ lãi: 248.048.085 đồng; cụ thể: Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LD1911400134 ngày 03/5/2019: nợ gốc 550.000.000 đồng, nợ lãi 158.354.818 đồng; Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LD1911400135 ngày 03/5/2019: nợ gốc 150.000.000 đồng, nợ lãi 51.039.995 đồng; Khoản vay thẻ tín dụng số thẻ 970403 - 1619, số tài khoản thẻ: 3417023920 của ông Vũ Văn B tính đến hết ngày 29/10/2021, tổng số tiền còn nợ là 108.229.525 đồng (trong đó nợ gốc là 69.576.253 đồng và nợ lãi là 38.653.272 đồng). Buộc ông B, bà N thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền lãi phát sinh theo lãi suất quy định trong các hợp đồng tín dụng; các khoản tiền phí, tiền lãi và lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất quy định tại Hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ tín dụng các bên đã ký kết kể từ ngày 30/10/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp ông B, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng là quyền sử dụng và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02, diện tích là 96m² (nay là thửa đất số 103, tờ bản đồ số 35, diện tích là 98,7m²) địa chỉ

thôn Vĩnh Thọ, xã Hương Mạc (nay là khu phố Vĩnh Thọ, phường Hương Mạc), thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU789304, vào sổ cấp GCN: CH01075, do UBND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 21/10/2014, cấp cho ông Vũ Văn Tường, tặng cho ông Vũ Văn B theo hồ sơ số 000129.TC.001 (số công chứng 926/2016 – quyền 1-TP/SCC-HĐGD lập tại Văn phòng công chứng Bắc Hà ngày 06/04/2016). Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LD/1812300057/HĐTCa ngày 07/5/2018; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/LD/1812300057/HĐTCa ngày 04/5/2019 của Văn phòng công chứng Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh.

Trong trường hợp toàn bộ tài sản thế chấp trên sau khi xử lý hoặc bán tài sản bảo đảm mà không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thì ông B, bà N vẫn phải thực hiện nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng, Hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ tín dụng nêu trên.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Cũng tại phiên, sau khi kết thúc phần tranh luận đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn đánh giá việc chấp hành và thực hiện pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 40; Điều 147, Điều 184; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 280, 299, 317, 323, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 300; Điều 301; Điều 302; Điều 306; Điều 317; Điều 319 Luật Thương mại;

- Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước);

- Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đối với ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N phải trả cho ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tính đến hết ngày 29/10/2021 là 1.017.624.338 đồng, trong đó nợ gốc: 769.576.253 đồng; nợ lãi: 248.048.085 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc của khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LD1911400134 ngày 03/5/2019 và hợp đồng tín dụng số LD1911400135 ngày 03/5/2019 là 700.000.000 đồng, nợ lãi 209.394.813 đồng; Khoản vay thẻ tín dụng số thẻ 970403 - 1619, số tài khoản thẻ: 3417023920, số tiền dư nợ là 108.229.525 đồng (trong đó nợ gốc là 69.576.253 đồng và nợ lãi là 38.653.272 đồng). Buộc ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền lãi phát sinh theo lãi suất quy định trong các hợp đồng tín dụng; các khoản tiền phí, tiền lãi và lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất quy định tại Hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ tín dụng các bên đã ký kết kể từ ngày 30/10/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng là quyền sử dụng và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02, diện tích là 96m² (nay là thửa đất số 103, tờ bản đồ số 35, diện tích là 98,7m²) địa chỉ thôn Vĩnh Thọ, xã Hương Mạc (nay là khu phố Vĩnh Thọ, phường Hương Mạc), thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU789304, vào sổ cấp GCN: CH01075, do UBND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 21/10/2014, cấp cho ông Vũ Văn Tường, tặng cho ông Vũ Văn B theo hồ sơ số 000129.TC.001 (số công chứng 926/2016 – quyền 1-TP/SCC-HĐGD lập tại Văn phòng công chứng Bắc Hà ngày 06/04/2016). Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: LD/1812300057/HĐTCa ngày 07/5/2018; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/LD/1812300057/HĐTCa ngày 04/5/2019 của Văn phòng công chứng Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh.

Trong trường hợp toàn bộ tài sản thế chấp trên sau khi xử lý hoặc bán tài sản bảo đảm mà không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thì ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N vẫn phải thực hiện nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng, các Hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ tín dụng nêu trên.

Ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xem xét đơn và nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín thấy, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín yêu cầu Toà án buộc ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N phải thanh toán nợ vay theo các hợp đồng tín dụng, Hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ tín dụng các bên đã ký kết, sau khi xem xét mục đích vay ghi trên các hợp đồng thể hiện vay để bổ sung vốn kinh doanh. Như vậy căn cứ vào chủ thể tham gia giao kết hợp đồng và thực tế sử dụng tiền vay có thể khẳng định quan hệ tranh chấp giữa các bên là tranh chấp kinh doanh thương mại phát sinh từ quan hệ tín dụng giữa hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có chung mục đích lợi nhuận. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân thị xã Từ Sơn đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 13/10/2021, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 17 của Hội đồng xét xử, phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 29/10/2021, bị đơn là ông B, bà N vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét hợp đồng tín dụng số LD1911400134 ngày 03/5/2019, hợp đồng tín dụng số LD1911400135 ngày 03/5/2019, 02 giấy nhận nợ cùng ngày 04/5/2019; Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đối với khoản vay thẻ tín dụng số thẻ 970403 - 1619, số tài khoản thẻ: 3417023920 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín với ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký các hợp đồng tín dụng, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng nên các hợp đồng này có hiệu lực pháp luật.

Xét quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thấy, sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân giao đủ cho ông B, bà N số tiền vay theo thỏa thuận là 770.000.000 đồng điều này được thể hiện tại các

giấy nhận nợ, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Ngược lại ông B, bà N đã không thực hiện đúng cam kết trả lãi hàng tháng và trả nợ gốc theo thỏa thuận. Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông B, bà N đã thanh toán được: Đối với khoản tín dụng thứ nhất theo Hợp đồng tín dụng số LD1911400134 ngày 03/05/2019 trả 40.775.343 đồng (Trong đó: số tiền gốc 0 đồng, số tiền lãi vay: 40.775.343 đồng); Khoản tín dụng thứ hai theo Hợp đồng tín dụng số LD1911400135 ngày 03/05/2019 trả 13.142.467 đồng (Trong đó: số tiền gốc 0 đồng, số tiền lãi vay: 13.142.467 đồng). Do ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng đã chuyển các khoản nợ trên sang nợ quá hạn từ ngày 06/02/2020. Đối với khoản vay thẻ tín dụng: Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông Vũ Văn B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 145.843.000 đồng, ngày 06/5/2020 chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù phía ngân hàng đã làm việc và yêu cầu ông B, bà N trả nợ theo cam kết nhưng ông B, bà N vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán và đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho Ngân hàng. Như vậy xét về lỗi thì việc không thanh toán đầy đủ số tiền nợ gốc và nợ lãi khi đến hạn trả nợ của ông B, bà N là vi phạm nghiêm trọng hợp đồng. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín yêu cầu ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N phải thanh toán trả tổng số nợ vay tính đến hết ngày 29 tháng 10 năm 2021 là 1.017.624.338 đồng, trong đó nợ gốc: 769.576.253 đồng; nợ lãi: 248.048.085 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc của khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LD1911400134 ngày 03/5/2019 và hợp đồng tín dụng số LD1911400135 ngày 03/5/2019 là 700.000.000 đồng, nợ lãi 209.394.813 đồng; Khoản vay thẻ tín dụng số thẻ 970403 - 1619, số tài khoản thẻ: 3417023920, số tiền dư nợ là 108.229.525 đồng (trong đó nợ gốc là 69.576.253 đồng và nợ lãi là 38.653.272 đồng) và tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền lãi phát sinh theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng LD1911400134 ngày 03/5/2019, hợp đồng tín dụng số LD1911400135 ngày 03/5/2019, 02 giấy nhận nợ cùng ngày 04/5/2019; thanh toán các khoản tiền phí, tiền lãi và lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất quy định tại Hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ tín dụng các bên đã ký kết kể từ ngày 30/10/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chính đáng, có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

Tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay này, ông B, bà N đã thế chấp tài sản của mình là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 177, tờ bản đồ số 02, diện tích là 96m² (nay là thửa đất số 103, tờ bản đồ số 35, diện tích là 98,7m²) địa chỉ thôn Vĩnh Thọ, xã Hương Mạc (nay là khu phố Vĩnh Thọ, phường Hương Mạc), thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU789304, vào sổ cấp GCN: CH01075, do UBND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 21/10/2014, cấp cho ông Vũ Văn Tường, tặng cho ông Vũ Văn B theo hồ sơ số 000129.TC.001 (số công chứng 926/2016 – quyền 1-TP/SCC-HĐGD lập tại Văn

phòng công chứng Bắc Hà ngày 06/04/2016). Theo Hợp đồng thế chấp tài sản đất số: LD/1812300057/HĐTCa ngày 07/5/2018; Văn bản cam kết về tài sản ngày 07/5/2018 của bà Dương Thị N; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/LD/1812300057/HĐTCa ngày 04/5/2019 của Văn phòng công chứng Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 08/7/2021, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định đối với nhà đất trên. Hiện trạng tài sản nhà đất vẫn giữ nguyên như tại thời điểm thế chấp, diện tích quyền sử dụng đất có tăng 2,7m² là do sai số kỹ thuật khi đo đạc, không tranh chấp quyền sử dụng đất với bất kỳ ai.

Quá trình quản lý, sinh sống tại nhà đất trên, vợ chồng anh Lý, chị Diễm không cải tạo, sửa chữa gì, không đóng góp công sức, tài sản gì nên anh Lý, chị Diễm không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng anh Lý, chị Diễm đề nghị Tòa án không đưa vợ chồng anh tham gia tố tụng trong vụ án này. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét thấy, các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, việc ký kết tài sản thế chấp giữa ông B, bà N với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đã tuân thủ các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông B, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng. Trong trường hợp toàn bộ tài sản thế chấp trên sau khi xử lý hoặc bán tài sản bảo đảm mà không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thì ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N vẫn phải thực hiện nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng, các Hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ tín dụng nêu trên.

[3] *Về án phí và chi phí tố tụng:*

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn là ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã nộp 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng từ ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39. Điều 143, 144, 146, 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, 264, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 24, 25 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định 1627 ngày 31/12/2001 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Điều 274, 275, 276, 278, 280, 292, 293, 299, 303, 304, 307, 317, 318, 323, 466, 468 Bộ luật dân sự Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT ngày 19/6/1997 của Bộ Tư pháp- Bộ Tài Chính- Viện kiểm sát nhân dân tối cao- Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản” Công văn số: 43/1999/KHXX ngày 24/5/1999 của Tòa án nhân dân tối cao về tính lãi suất đối với các khoản vay của ngân hàng, tín dụng. Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đối với ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N phải trả cho ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tính đến hết ngày 29 tháng 10 năm 2021 là 1.017.624.338 đồng, trong đó nợ gốc: 769.576.253 đồng; nợ lãi: 248.048.085 đồng. Trong đó, số tiền nợ gốc của khoản vay theo hợp đồng tín dụng số LD1911400134 ngày 03/5/2019 và hợp đồng tín dụng số LD1911400135 ngày 03/5/2019 là 700.000.000 đồng, nợ lãi 209.394.813 đồng; Khoản vay thẻ tín dụng số thẻ 970403 - 1619, số tài khoản thẻ: 3417023920, số tiền dư nợ là 108.229.525 đồng (trong đó nợ gốc là 69.576.253 đồng và nợ lãi là 38.653.272 đồng).

Buộc ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền lãi phát sinh theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng LD1911400134 ngày 03/5/2019, hợp đồng tín dụng số LD1911400135 ngày 03/5/2019, 02 giấy nhận nợ cùng ngày 04/5/2019; thanh toán các khoản tiền phí, tiền lãi và lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất quy định tại Hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ tín dụng các bên đã ký kết kể từ ngày 30/10/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng là quyền sử dụng và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 177, tờ bản đồ số 02, diện tích là 96m² (nay là thửa đất số 103, tờ bản đồ số 35, diện tích là 98,7m²) địa chỉ thôn Vĩnh Thọ, xã Hương Mạc (nay là khu phố Vĩnh Thọ, phường Hương Mạc), thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU789304, vào sổ cấp GCN: CH01075, do UBND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 21/10/2014, cấp cho ông Vũ Văn Tường, tặng cho ông Vũ Văn B theo hồ sơ số 000129.TC.001 (số công chứng 926/2016 – quyền 1-TP/SCC-HĐGD lập tại Văn phòng công chứng

Bắc Hà ngày 06/04/2016). Theo Hợp đồng thế chấp tài sản đất số: LD/1812300057/HĐTCa ngày 07/5/2018; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01/LD/1812300057/HĐTCa ngày 04/5/2019 của Văn phòng công chứng Bắc Hà, tỉnh Bắc Ninh.

Trong trường hợp toàn bộ tài sản thế chấp trên sau khi xử lý hoặc bán tài sản bảo đảm mà không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín thì ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N vẫn phải thực hiện nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng, Hợp đồng mở thẻ và sử dụng thẻ tín dụng nêu trên.

2. Về án phí và chi phí tố tụng: Ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N phải chịu 42.528.730 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín 19.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2019/0004001 ngày 09/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp hết số tiền là 3.000.000 đồng. Ông Vũ Văn B và bà Dương Thị N phải hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Từ Sơn;
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Chi cục THADS thị xã Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Huệ

